

Số: 41 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 24 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác  
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi,  
bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính  
quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh về chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác kiểm soát thủ tục  
hành chính trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Liên sở: Tài chính - Tư pháp tại tờ trình số 2473/TT-LS-  
STC-STP ngày 17/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này quy định chế độ chi tiêu tài  
chính đối với công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ  
ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 19/8/2013  
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với công  
tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An.

Giao Sở Tài chính và Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên  
quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc  
Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn  
thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An thi  
hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng NC (KT+TH+VX+NC);
- Lưu: VT, Ngan.

QĐ-KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**

**QUY ĐỊNH**

Về chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác  
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 24/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

**1. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

**2. Phạm vi áp dụng**

a) Quy định này áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Quy định này không áp dụng đối với:

- Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

- Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

**Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách.

**Điều 3. Nội dung chi**

1. Chi cho việc cập nhật dữ liệu thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; công bố, công khai thủ tục hành chính.

2. Chi lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; chi lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp (chỉ thanh toán đối với các trường hợp cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính phải lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, của chuyên gia).

3. Chỉ cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về thủ tục hành chính: lập biểu mẫu rà soát, điền biểu mẫu rà soát; chi xây dựng báo cáo kết quả rà soát, đánh giá về thủ tục hành chính theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực.

4. Chỉ tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

5. Chỉ tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai công tác chuyên môn, sơ kết, tổng kết, giao ban định kỳ; chi hoạt động kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương.

6. Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành.

7. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

8. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, gồm:

a) Chi tuyên truyền về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính như: xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, quảng cáo, chuyên mục về cải cách thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

c) Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ như: thiết kế đồ họa, mua sắm trang thiết bị, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin;

d) Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

đ) Chi điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; chi các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; chi các đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

e) Chi tổ chức các đoàn nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong và ngoài tỉnh;

g) Chi làm thêm giờ;

h) Chi dịch thuật;

i) Chi khác (nếu có).

**Điều 4. Mức chi** (mức chi cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 5. Quy định về thanh, quyết toán**

Số lượng các biểu mẫu rà soát, thống kê (biểu mẫu 1); biểu mẫu rà soát độc lập theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; biểu mẫu đánh giá tác

động đối với từng thủ tục hành chính (đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và cách thức tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính) do các sở, ngành và địa phương thực hiện trên cơ sở số lượng biểu mẫu hoàn chỉnh của các sở, ngành và địa phương báo cáo chính thức và có xác nhận của Sở Tư pháp.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài chính, Sở Tư pháp để tổng hợp xem xét giải quyết hoặc tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**

**PHỤ LỤC**

**Chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác kiểm soát thủ tục hành chính  
trên địa bàn tỉnh Long An**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND ngày 24/8/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT         | Nội dung chi   | Đơn vị tính                                    | Mức chi   |
|-------------|--|--|-----------|
| <b>I</b>    | <b>Chi cập nhật thủ tục hành chính (TTHC) vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (nhập dữ liệu phi cấu trúc)</b>   |  |           |
| 1           | Trang tài liệu chỉ gồm các chữ cái, chữ số   | Đồng/trang A4                                  | 9.500     |
| 2           | Trang tài liệu có bảng biểu kèm theo   | Đồng/trang A4                                  | 11.700    |
| <b>II</b>   | <b>Chi công bố, công khai TTHC</b>   | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp |           |
| <b>III</b>  | <b>Chi cho ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</b>   | Đồng/văn bản                                   | 200.000   |
| <b>IV</b>   | <b>Chi cho hoạt động rà soát độc lập các quy định về TTHC chi cho đối tượng cung cấp thông tin, điền các biểu mẫu: rà soát, biểu mẫu thống kê (biểu mẫu 1), biểu mẫu rà soát độc lập theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, biểu mẫu đánh giá tác động các quy định về thủ tục hành chính (sự cần thiết, tính hợp lý và tính hợp pháp, tính toán chi phí tuân thủ TTHC)</b> |  |           |
| <b>1</b>    | <b>Chi cho cá nhân</b>   |  |           |
| a           | Dưới 30 chỉ tiêu   | Đồng/phiếu                                     | 20.000    |
| b           | Từ 30 đến 40 chỉ tiêu  | Đồng/phiếu                                     | 30.000    |
| c           | Trên 40 chỉ tiêu   | Đồng/phiếu                                     | 40.000    |
| <b>2</b>    | <b>Chi cho tổ chức</b>   |  |           |
| a           | Dưới 30 chỉ tiêu   | Đồng/phiếu                                     | 60.000    |
| b           | Từ 30 đến 40 chỉ tiêu  | Đồng/phiếu                                     | 75.000    |
| c           | Trên 40 chỉ tiêu   | Đồng/phiếu                                     | 80.000    |
| <b>V</b>    | <b>Chi cho các thành viên tham gia dự họp, hội thảo, tọa đàm lấy kiến đối với các quy định về TTHC, các phương án đơn giản hóa TTHC</b>  | Đồng/người/ngày                                | 50.000    |
| <b>VI</b>   | <b>Chi thuê chuyên gia tư vấn theo chuyên ngành, lĩnh vực</b>  | Đồng/văn bản                                   | 450.000   |
| <b>VII</b>  | <b>Chi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực</b>  | Đồng/báo cáo                                   | 1.000.000 |
| <b>VIII</b> | <b>Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động kiểm soát TTHC</b>   | Thực hiện theo quy định hiện hành              |           |
| <b>IX</b>   | <b>Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, chuyên mục về cải cách TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng sở tay nghiệp vụ; mua sắm hàng hóa dịch vụ; tổ chức các cuộc thi</b>  |  |           |

| STT  | Nội dung chi  | Đơn vị tính  | Mức chi   |
|------|---|--|-----------|
| 1    | Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, chuyên mục về cải cách TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng   | Thực hiện theo quy định hiện hành  |           |
| 2    | Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC  | Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi trả nhuận bút              |           |
| 3    | Chi mua sắm hành hóa, dịch vụ   | Thực hiện theo Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính  |           |
| 4    | Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác cải cách TTHC   | Thực hiện theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh |           |
| X    | <b>Chi dịch thuật</b>   | Thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính |           |
| XI   | <b>Chi làm thêm giờ</b>   | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005  |           |
| XII  | <b>Chi tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai công tác chuyên môn, sơ kết, tổng kết, giao ban định kỳ; chi các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC trong và ngoài tỉnh</b> | Thực hiện theo Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh |           |
| XIII | <b>Chi điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát TTHC</b>  |  |           |
| 1    | Chi xây dựng phương án điều tra trình cơ quan có thẩm quyền về việc sửa đổi, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa TTHC  |  |           |
| a    | Xây dựng đề cương tổng quát được duyệt  |  |           |
|      | - Dưới 30 chỉ tiêu  | Đồng/đề cương  | 1.000.000 |
|      | - Từ 30 đến 40 chỉ tiêu   | Đồng/đề cương  | 1.300.000 |
|      | - Trên 40 chỉ tiêu  | Đồng/đề cương  | 1.500.000 |
| b    | Xây dựng đề cương chi tiết được duyệt   |  |           |
|      | - Dưới 30 chỉ tiêu  | Đồng/đề cương  | 2.000.000 |
|      | - Từ 30 đến 40 chỉ tiêu   | Đồng/đề cương  | 3.000.000 |
|      | - Trên 40 chỉ tiêu  | Đồng/đề cương  | 4.500.000 |
| 2    | Chi lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát, rà soát được duyệt  |  |           |
|      | - Dưới 30 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 750.000   |
|      | - Từ 30 đến 40 chỉ tiêu   | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 1.000.000 |
|      | - Trên 40 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 1.500.000 |
| 3    | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra  |  |           |
| a    | Đối với cá nhân   |  |           |
|      | - Dưới 30 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 30.000    |
|      | - Từ 30 đến 40 chỉ tiêu   | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 40.000    |
|      | - Trên 40 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 50.000    |
| b    | Đối với tổ chức   |  |           |
|      | - Dưới 30 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 70.000    |

| STT | Nội dung chi   | Đơn vị tính  | Mức chi    |
|-----|--|--|------------|
|     | - Từ 30 đến 40 chỉ tiêu  | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 85.000     |
|     | - Trên 40 chỉ tiêu   | Đồng/mẫu phiếu được duyệt  | 100.000    |
| 4   | Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án điều tra  | Theo các nội dung tương ứng mục 1, 2 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính                              |            |
| 5   | Chi viết nhận xét, đánh giá phản biện về các phương án sửa đổi, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa TTHC (họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu) |  |            |
| a   | Nhận xét đánh giá phản biện  | Đồng/bài viết  | 500.000    |
| b   | Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng   | Đồng/bài viết  | 300.000    |
| 6   | Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của chuyên gia (tối đa không quá 5 người), nhà quản lý (trường hợp không thành lập hội đồng) | Đồng/bài viết  | 500.000    |
| 7   | Chi thuê chuyên gia phân tích, đánh giá kết quả điều tra (tối đa không quá 5 chuyên gia cho 1 cuộc điều tra)                       | Đồng/báo cáo   | 1.000.000  |
| 8   | Chi viết báo cáo kết quả điều tra  |  |            |
| a   | Báo cáo phân tích theo chuyên đề   | Đồng/báo cáo   | 6.000.000  |
| b   | Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)   | Đồng/báo cáo   | 10.000.000 |
| XIV | Chi các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát TTHC  | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCHN ngày 22/4/2015  |            |
| XV  | Chi hoạt động thường xuyên   | Các hoạt động khác trong công tác kiểm soát TTHC thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan quản lý nhà nước |            |